

Số: 419/2017/DS-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2017/QĐST-DS ngày 13/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng X, tòa nhà T, số C, phố T, Phường T, Quận H, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: số X đường H, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Mỹ H

Bị đơn: Ông Lê Hữu L (vắng mặt).

Địa chỉ: số Y, đường H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 29/5/2014 Ông Lê Hữu L ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140603-500001-0011 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền 42.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 2.92%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.985.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 kỳ, trong 23 kỳ đầu ông L trả mỗi kỳ là 2.458.000 đồng, kỳ cuối cùng ông L trả 2.451.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 03/7/2014.

Thực hiện hợp đồng ông L đã nhận đủ số tiền 42.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền của 16 kỳ là 41.786.000 đồng. Kể từ ngày 31/5/2016 đến nay, ông L không thanh toán khoản nào khác mặt dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay, Bà Phan Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Lê Hữu L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 03/6/2014 là: 17.199.000 đồng. Yêu cầu ông L thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Lê Hữu L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Lê Hữu L thanh toán số tiền nợ vốn và lãi là 17.199.000 đồng là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn Ông Lê Hữu L trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn Ông Lê Hữu L cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét xử vắng mặt bị đơn Ông Lê Hữu L, theo kết quả xác minh ngày 26/7/2017 của Công an Phường 15, Quận 10, thì Ông Lê Hữu L có hộ khẩu thường trú tại 120 đường Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10 và đang thực tế cư trú

tại địa chỉ này. Nên căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 về “hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”, thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Xét, bị đơn Ông Lê Hữu L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ông Lê Hữu L.

Bà Phan Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa do bận công tác nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hạnh.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140603-500001-0011 ngày 29/5/2014 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có cơ sở để xác định Ông Lê Hữu L có vay số tiền 42.000.000 đồng của nguyên đơn, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 2.92%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên thì ông L vay tiền của ngân hàng trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận. Ông L đã ký hợp đồng và ”cam kết đã đọc hiểu rõ và đồng ý với tất cả các điều khoản thông tin nêu trên”, qua đó cho thấy việc ông L đã nhận đủ số tiền 42.000.000 đồng là có cơ sở.

Xét, theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.985.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 kỳ, trong 23 kỳ đầu ông L trả mỗi kỳ là 2.458.000 đồng, kỳ cuối cùng ông L trả 2.451.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 03/7/2014.

Vậy khi đáo hạn hợp đồng ngày 03/6/2016, tổng số tiền ông L phải trả cho nguyên đơn là 58.985.000 đồng. Ông L đã trả được 16 kỳ là 41.786.000 đồng (trong đó gồm tiền gốc 26.643814 đồng, tiền lãi 15.142.186 đồng), còn nợ lại 17.199.000 đồng (gồm nợ gốc là 14.851333 đồng, nợ lãi là 2.347.667 đồng)

Nhưng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông L trả số tiền còn nợ là 17.199.000 đồng (gốc 14.851333 đồng, lãi là 2.347667 đồng) mà không yêu cầu ông L trả khoản lãi kể từ ngày đáo hạn hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 17.199.000 đồng.

Mặc khác, dù biết rõ (hoặc phải biết rõ) những yêu cầu, chứng cứ của nguyên đơn đưa ra đối với ông L (theo kết quả xác minh thì ông L vẫn đang thực tế cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp), nhưng ông L vẫn không có ý kiến phản đối. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng

minh”. Điều đó cho thấy những yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Theo hợp đồng, thỏa thuận giữa ông L và nguyên đơn thì lãi vay là 2.92%/tháng tương đương 35.04%/năm, là cao hơn so với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phải chịu theo quy định của ngân hàng. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông L đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nghĩa là ông L mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi 2.92%/tháng được quy định trong hợp đồng và chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của ngân hàng.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Lê Hữu L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 17.199.000 đồng (mười bảy triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 859.950 đồng (tám trăm năm mươi chín ngàn chín trăm năm mươi đồng), Ông Lê Hữu L phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 429.975 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001196 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân